

## **CHỈNH LÝ VÀ CẬP NHẬT TÊN KHOA HỌC CỦA CÁC LOÀI THUỘC HỌ CÁ KHẾ CARANGIDAE Ở VÙNG BIỂN VIỆT NAM**

Lê Thị Thu Thảo, Võ Văn Quang, Nguyễn Phi Uy Vũ  
*Viện Hải dương học*

**Tóm tắt** Dựa trên 25 tài liệu của các tác giả đã công bố từ năm 1978-2009 về thành phần loài cá biển trong đó có họ khế Carangidae ở các vùng sinh thái khác nhau thuộc vùng biển Việt Nam, bao gồm 101 tên khoa học thuộc 25 giống, đã tu chỉnh và cập nhật lại cho 78 tên khoa học chiếm 77,2% so với tổng số tên khoa học đã công bố (trong đó 60 tên khoa học cần cập nhật chiếm 59,4%; 14 tên khoa học có sự sai lệch về tên tác giả chiếm 13,9%; 4 tên khoa học có sự sai lệch về năm tìm ra loài chiếm 4,0% và 23 tên khoa học có giá trị hiện tại (22,8%).

Thành phần loài họ cá khế Carangidae thực có ở vùng biển Việt Nam là 50 loài thuộc 21 giống.

## **CORRECT AND UPDATE THE SCIENTIFIC NAMES OF FISH (FAMILY CARANGIDAE) IN VIETNAMESE SEAWATERS**

Le Thi Thu Thao, Vo Van Quang, Nguyen Phi Uy Vu  
*Institute of Oceanography*

**Abstract** Based on 25 documents published from 1978-2009 on the fish composition of the family Carangidae in different ecological areas of Vietnamese seawaters in order to set up a list of fish species with 101 scientific names, we have corrected and updated 78 scientific names, occupying 77,2% of the total scientific names (including 60 scientific names of 31 species belonging to 16 genres need to be corrected and updated (59,4%), 14 scientific names need to be updated the author's name (13,9%), 4 scientific names need to be updated year (4,0%) and 23 valid scientific names (22,8%).

Species composition of the family Carangidae in Vietnamese seawaters includes 50 species belonging to 21 genres.

### **I. MỞ ĐẦU**

Cá biển Việt Nam rất phong phú, đa dạng về thành phần loài. Cho đến nay, về danh mục thành phần loài cá ở vùng biển Việt Nam đã có rất nhiều công trình nghiên cứu như: Chevey (1929), Kuromura (1961), Nguyễn Khắc Hường và cs. (1977), Vũ Trung Tạng và Đặng Thị Sy, (1978); Nguyễn Nhật Thi và Trần Định (1985), Vũ Trung Tạng (1994); Nguyễn Hữu Phụng và

cs. (1995); Nguyễn Nhật Thi (1996, 2001, 2002, 2003); Nguyễn Kim Sơn (2001)...

Danh mục cá biển Việt Nam (DMCBVN) (tập I, II, III, IV, V) của các tác giả: Nguyễn Hữu Phụng, Trần Hoài Lan (1994); Nguyễn Hữu Phụng, Nguyễn Nhật Thi (1994); Nguyễn Hữu Phụng và cs. (1995, 1997); Nguyễn Hữu Phụng (1999) là tài liệu bao gồm các thông tin về synonym, các chỉ số về kích thước, phân bố, tình trạng, nơi lưu giữ mẫu vật. Đó là những thông tin cần thiết, tạo điều kiện

thuận lợi cho việc tra cứu, định tên các mẫu vật để các nhà nghiên cứu tiện tham khảo.

Trong khuôn khổ đề án Động vật chí-Thực vật chí Việt Nam, nhiều họ cá biển lần lượt được soạn thảo và xuất bản (tập 2, 10, 12, 19 và 20) của các tác giả: Nguyễn Nhật Thi (2000); Nguyễn Hữu Phụng (2001); Nguyễn Khắc Hùng (2001, 2007); Nguyễn Văn Lục và cs. (2007). Đây là tài liệu cơ bản về phân loại học rất cần thiết cho các nhà khoa học về phân loại tra cứu.

Về việc phân chia và sắp xếp các đơn vị phân loại trong nhóm cá biển đã có rất nhiều công trình nghiên cứu: Berg (1940); Rass & Lindberg (1971)...Tuy nhiên theo thời gian, các tiến bộ của các ngành khoa học đã cho phép xác định và sắp xếp lại tên các loài cá, do vậy nhiều tên loài trước đây đã không còn giá trị, khi kiểm tra và tham khảo thêm các nguồn tài liệu cập nhật: fishbase online (2010); marinespecies online (2010)...thì thấy tên khoa học của các loài cá biển ở Việt Nam có sự thay đổi, vì thế đã làm cho số lượng các loài cá có sự dao động. Cần thiết phải chỉnh lý và cập nhật lại tên khoa học của chúng để việc tham khảo được chính xác.

Họ cá khế Carangidae thuộc bộ cá vược-Perciformes, trên thế giới có khoảng 150 loài thuộc 29 giống. Đây là một trong những họ cá có ý nghĩa kinh tế quan trọng và là đối tượng khai thác chủ yếu hiện nay của nghề cá nổi ven bờ ở nước ta. Chúng phân bố rộng khắp ở vùng biển nhiệt đới và cận nhiệt đới thuộc Đại Tây Dương, Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Nhiều loài có giá trị thực phẩm xuất khẩu.

Bài báo là kết quả của việc tổng hợp và đưa ra danh sách tên khoa học các loài thuộc họ cá khế mà các tác giả đã công bố từ trước đến nay ở vùng biển Việt Nam. Sau đó là việc kiểm tra, đối chiếu, chỉnh lý và cập nhật lại tên khoa học có giá trị hiện hành. Trên cơ sở đó, hoàn thiện và đưa ra danh sách thành phần loài họ cá khế có phân bố ở vùng biển Việt Nam.

## II. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP

Sử dụng các tài liệu, kết quả nghiên cứu của các tác giả đi trước đã công bố về thành phần loài cá biển trong đó có họ cá khế ở các vùng sinh thái khác nhau thuộc vùng biển Việt Nam nhằm lập nên một danh sách các loài cá với các tên khoa học.

Sắp xếp hệ thống phân loại bậc giống và loài theo Eschemeyer (1998). Để thuận tiện cho việc kiểm tra và đối chiếu, từ bảng 2-4 chúng tôi sắp xếp theo thứ tự của bảng chữ cái.

Đối chiếu và cập nhật tên khoa học của các loài họ cá khế theo Eschemeyer (1998); fishbase online (2010); marine species online (2010).

Đối chiếu và xác định tên tiếng Việt theo Nguyễn Hữu Phụng và cs. (1995).

## III. KẾT QUẢ

### 1. Thành phần loài họ cá khế Carangidae đã được công bố và cần cập nhật lại tên khoa học:

Cho đến nay, có 25 công trình công bố từ năm 1978-2009 của các tác giả nghiên cứu về khu hệ cá ở các vùng sinh thái khác nhau ở vùng biển Việt Nam, trong đó có họ cá khế. Đã ghi nhận được 331 lượt tên khoa học (có sự lặp lại) thuộc 24 giống gồm 101 tên khoa học khác nhau được sử dụng, trong đó gồm 78 tên khoa học phải được cập nhật (60 tên khoa học chưa được cập nhật, 14 tên khoa học có sự nhầm lẫn về tên tác giả và 4 tên khoa học có sự nhầm lẫn về năm tìm ra loài) và 23 tên khoa học vẫn còn có giá trị (Bảng 2).

Kết quả cũng cho thấy, nhiều tác giả đã sử dụng tên khoa học khác nhau trong cùng một tài liệu công bố là các loài cá khác nhau nhưng trên thực tế chỉ là một loài (các tên loài đã sử dụng đều là synonym của nhau) (Bảng 1), do đó nếu không được chỉnh lý và cập nhật tên khoa học cho các loài cá sẽ làm cho danh sách thành phần loài họ cá khế ở vùng biển Việt Nam tăng lên và có thể gây nên những nhầm lẫn đáng tiếc khi tham khảo và tra cứu.

Bảng 1. Tên khoa học của các loài họ cá khế đã được công bố là các loài khác nhau trong cùng một công trình, sau khi chỉnh lý cập nhật chỉ là một loài

Table 1. The scientific names of fish species belonging family Carangidae were published as different species in a publication and become one species after correcting and updating

TT	Tên khoa học công bố	Tác giả	Tên khoa học cập nhật
1	<i>Caranx djedaba</i> (Forsskal); <i>Caranx kalla</i> Cuv. & Val.	Vũ Trung Tạng (1994)	<i>Alepes djedaba</i> (Forsskål, 1775)
2	<i>Caranx djedaba</i> (Forsskal); <i>Caranx kalla</i> Cuv. & Val.	Nguyễn Nhật Thi (2002)	<i>Alepes djedaba</i> (Forsskål, 1775)
3	<i>Chorinemus formosanus</i> (Wakiya); <i>Chorinemus tol</i> Cuv. Et Val.	Vũ Trung Tạng (1994)	<i>Scomberoides tol</i> (Cuvier, 1832)
4	<i>Atule malam</i> Bleeker, 1851; <i>Atule pectoralis</i> (Chu & Cheng, 1958)	Nguyễn Hữu Phụng và cộng sự (1995)	<i>Alepes melanoptera</i> Swainson, 1839
5	<i>Scomberoides orientalis</i> (Temminck & Schlegel, 1842); <i>Scomberoides tolooparah</i> (Ruppell, 1828); <i>Scomberoides moadetta</i> (Cuvier & Valenciennes, 1831); <i>Scomberoides lysan</i> (Forsskal, 1775)	Nguyễn Hữu Phụng và cộng sự (1995)	<i>Scomberoides lysan</i> (Forsskal, 1775)
6	<i>Scomberoides hainanensis</i> Chu & Cheng, 1985; <i>Scomberoides tala</i> (Cuvier & Valenciennes, 1831)	Nguyễn Hữu Phụng và cộng sự (1995)	<i>Scomberoides tala</i> (Cuviers, 1832)
7	<i>Scomberoides formosanus</i> Wakiya, 1924; <i>Scomberoides tol</i> (Cuvier, 1832)	Nguyễn Hữu Phụng và cộng sự (1995)	<i>Scomberoides tol</i> (Cuvier, 1832)
8	<i>Caranx malam</i> (Bleeker); <i>Caranx pectoralis</i> Chu & Cheng	Nguyễn Nhật Thi (2002)	<i>Alepes melanoptera</i> Swainson, 1839
9	<i>Caranx melampygus</i> Cuvier & Valenciennes, 1833; <i>Caranx stellatus</i> (Eydoux and Gaimard.)	Nguyễn Hữu Phụng (2004)	<i>Caranx melampygus</i> Cuvier, 1833
10	<i>Chorinemus lysan</i> (Forsskal); <i>Chorinemus moadetta</i> Cuv. & Val.	Nguyễn Nhật Thi (2002)	<i>Scomberoides lysan</i> (Forsskal, 1775)
11	<i>Chorinemus lysan</i> (Forsskal); <i>Chorinemus orientalis</i> (Temm. Et Schl.)	Nguyễn Văn Lục & cộng sự (2003)	<i>Scomberoides lysan</i> (Forsskal, 1775)
Σ	<b>21</b>	<b>4</b>	<b>6</b>

Bảng 2. Danh sách tên khoa học các loài họ cá khế Carangidae được công bố từ năm 1978-2009 ở vùng biển Việt Nam cần được cập nhật

Table 2. List of scientific names of fish species belonging family Carangidae published from 1978-2009 in Vietnamese seawaters that need to be updated

TT	Tên khoa học được công bố từ năm 1978-2009	Hiện trạng	Tên khoa học cập nhật hiện nay
1	<i>Alectis ciliaris</i> (Bloch, 1788)	IV	<i>Alectis ciliaris</i> (Bloch, 1787)
2	<i>Alectis indica</i> (Rüppell, 1830)	II	<i>Alectis indicus</i> (Rüppell, 1830)
3	<i>Alectis indicus</i> (Rüppell, 1830)	I	
4	<i>Alepes apercna</i> Grant, 1987	I	<i>Alepes apercna</i> Grant, 1987
5	<i>Alepes djeddaba</i> (Forskål, 1775)	II	<i>Alepes djedaba</i> (Forsskål, 1775)
6	<i>Caranx (Atule) kalla</i> Cuvier and Valenciennes	II	
7	<i>Caranx (Carangoides) kalla</i> Cuvier and Valenciennes	II	
8	<i>Caranx calla</i> Cuv. & Val.	II	
9	<i>Caranx djeddaba</i> (Forskål)	II	
10	<i>Caranx kalla</i> (Cuvier, 1847)	II	
11	<i>Alepes djedaba</i> (Forsskål, 1775)	I	

12	<i>Alepes kalla</i> (Cuvier & Valenciennes, 1833)	II	
13	<i>Caranx para</i> Cuvier, 1833	II	<i>Alepes kleinii</i> (Bloch, 1793)
14	<i>Alepes kleinii</i> (Bloch, 1793)	I	
15	<i>Atule pectoralis</i> (Chu & Cheng, 1958)	II	<i>Alepes melanoptera</i> (Swainson, 1839)
16	<i>Aute malam</i> Bleeker, 1851	II	
17	<i>Caranx (Atule) malam</i> Bleeker	II	
18	<i>Caranx malam</i> (Bleeker)	II	
19	<i>Caranx pectoralis</i> Chu & Cheng	II	
20	<i>Alepes melanoptera</i> Fowler, 1905	III	
21	<i>Alepes macrurus</i> Bleeker, 1851	II	<i>Alepes vari</i> (Cuvier, 1833)
22	<i>Alepes vari</i> (Cuvier, 1833)	I	
23	<i>Atropus atropus</i> (Bloch & Schneider, 1801)	II	<i>Atropus atropus</i> (Bloch & Schneider, 1801)
24	<i>Caranx (Atule) mate</i> (Cuvier & Valenciennes)	II	<i>Atule mate</i> (Cuvier, 1833)
25	<i>Caranx (Selar) mate</i> (Cuv. & Val.)	II	
26	<i>Caranx mate</i> (Cuv. & Val.)	II	
27	<i>Atule mate</i> (Cuvier & Valenciennes, 1833)	III	
28	<i>Carangoides armatus</i> (Rüppell, 1830)	I	<i>Carangoides armatus</i> (Rüppell, 1830)
29	<i>Caranx (Citula) chrysophris</i> Cuvier and Valenciennes	II	<i>Carangoides chrysophris</i> (Cuvier, 1833)
30	<i>Carangoides chrysophris</i> (Cuvier & Valenciennes)	III	
31	<i>Caranx armatus</i> (Forskål)	II	<i>Carangoides ciliaris</i> (Rüppell, 1830)
32	<i>Carangoides caeruleopinnatus</i> (Rüppell, 1830)	II	<i>Carangoides caeruleopinnatus</i> (Rüppell, 1830)
33	<i>Carangoides uii</i> (Wakiya, 1924)	II	
34	<i>Caranx (Carangoides) equula</i> Temminck & Schlegel	II	<i>Carangoides equula</i> (Temminck & Schlegel, 1844)
35	<i>Caranx ferdau</i> (Forskål)	II	<i>Carangoides ferdau</i> (Forskål, 1775)
36	<i>Kaiwarinus equula</i> (Temminck & Schlegel, 1844)	II	
37	<i>Carangoides ferdau</i> (Forskål, 1775)	III	
38	<i>Caranx (Citula) malabaricus</i> (Bloch & Schneider)	II	<i>Carangoides malabaricus</i> (Bloch & Schneider, 1801)
39	<i>Caranx malabaricus</i> (Bl. & Schl.)	II	
40	<i>Carangoides malabaricus</i> (Bloch & Schneider, 1801)	I	
41	<i>Caranx plagiotaenia</i> Bleeker	II	<i>Carangoides plagiotaenia</i> Bleeker, 1857
42	<i>Caranx (Carangoides) praeustus</i> Bennett	II	<i>Carangoides praeustus</i> (Anonymous [Bennett], 1830)
43	<i>Caranx praeustus</i> Bennett	II	
44	<i>Carangoides praeustus</i> (Bennett, 1830)	III	
45	<i>Caranx bucculentus</i> (Alleyne & Macleay, 1877)	III	<i>Caranx bucculentus</i> Alleyne & Macleay, 1877
46	<i>Caranx carangus</i> (Bolch)	II	<i>Caranx hippos</i> (Linnaeus, 1766)
47	<i>Carangoides ignobilis</i> (Forskål)	II	<i>Caranx ignobilis</i> (Forskål, 1775)
48	<i>Caranx ignobilis</i> (Forskål)	III	
49	<i>Carangoides melampygus</i> (Cuvier)	II	<i>Caranx melampygus</i> Cuvier, 1833
50	<i>Caranx stellatus</i> (Eydoux and Souleyet)	II	
51	<i>Caranx melampygus</i> Cuvier & Valenciennes, 1833	III	
52	<i>Caranx sexfasciatus</i> (Quoy & Gaimard)	III	<i>Caranx sexfasciatus</i> Quoy & Gaimard, 1825

53	<i>Decapterus kurroides</i> Bleeker, 1855	I	<i>Decapterus kurroides</i> Bleeker, 1855
54	<i>Decapterus lajang</i> Bleeker, 1855	I	<i>Decapterus lajang</i> Bleeker, 1855
55	<i>Decapterus macrosoma</i> Bleeker, 1851	I	<i>Decapterus macrosoma</i> Bleeker, 1851
56	<i>Decapterus maruadsi</i> (Temminck & Schlegel, 1844)	IV	<i>Decapterus maruadsi</i> (Temminck & Schlegel, 1843)
57	<i>Decapterus dayi</i> Wakaya	II	<i>Decapterus russelli</i> (Rüppell, 1830)
58	<i>Decapterus russelli</i> (Rüppell, 1830)	I	
59	<i>Elagatis bipinnulatus</i> (Quoy & Gaimard)	II	<i>Elagatis bipinnulata</i> (Quoy & Gaimard, 1825)
60	<i>Elagatis bipinnulata</i> (Quoy & Gaimard, 1824)	IV	
61	<i>Caranx (Gnathanodon) speciosus</i> (Forskål)	II	<i>Gnathanodon speciosus</i> (Forskål, 1775)
62	<i>Gnathanodon speciosus</i> (Forskål, 1775)	III	
63	<i>Megalaspis cordyla</i> (Linnaeus, 1758)	I	<i>Megalaspis cordyla</i> (Linnaeus, 1758)
64	<i>Naucrates ductor</i> (Linnaeus, 1758)	I	<i>Naucrates ductor</i> (Linnaeus, 1758)
65	<i>Parastromateus niger</i> (Bloch, 1795)	I	<i>Parastromateus niger</i> (Bloch, 1795)
66	<i>Scomberoides commersonianus</i> Lacépède, 1801	II	<i>Scomberoides commersonianus</i> Lacépède, 1801
67	<i>Chorinemus (Scomberoides) lysan</i> (Forskål)	II	<i>Scomberoides lysan</i> (Forskål, 1775)
68	<i>Chorinemus lysan</i> (Forskål, 1775)	II	
69	<i>Chorinemus moadetta</i> Cuv. & Val.	II	
70	<i>Chorinemus orientalis</i> (Temm. Et Schl.)	II	
71	<i>Chorinemus tolooparah</i> (Ruppell)	II	
72	<i>Scomberoides moadetta</i> (Cuvier & Valenciennes, 1831)	II	
73	<i>Scomberoides orientalis</i> (Temminck & Schlegel, 1842)	II	
74	<i>Scomberoides tolooparah</i> (Ruppell, 1828)	II	
75	<i>Scomberoides lysan</i> (Forskål, 1775)	III	
76	<i>Chorinemus hainanensis</i> Chu & Cheng	II	
77	<i>Scomberoides hainanensis</i> Chu & Cheng, 1985	II	<i>Scomberoides tala</i> (Cuvier, 1832)
78	<i>Scomberoides tala</i> (Cuvier & Valenciennes, 1831)	III	
79	<i>Chorinemus formosanus</i> (Wakiya)	II	<i>Scomberoides tol</i> (Cuvier, 1832)
80	<i>Chorinemus tol</i> Cuvier and Valenciennes	II	
81	<i>Scomberoides formosanus</i> Wakiya, 1924	II	
82	<i>Scomberoides tol</i> (Cuvier, 1832)	I	
83	<i>Selar boops</i> (Valenciennes, 1833)	III	<i>Selar boops</i> (Cuvier, 1833)
84	<i>Selar crumenophthalmus</i> (Bloch, 1793)	I	<i>Selar crumenophthalmus</i> (Bloch, 1793)
85	<i>Caranx (Selaroides) leptolepis</i> Cuvier and Valenciennes	II	<i>Selaroides leptolepis</i> (Cuvier, 1833)
86	<i>Caranx leptolepis</i> (Cuvier and Valenciennes, 1848)	II	
87	<i>Selaroides leptolepis</i> (Cuvier and Valenciennes)	III	
88	<i>Seriola dumerili</i> (Risso, 1810)	I	<i>Seriola dumerili</i> (Risso, 1810)
89	<i>Seriola aureovittata</i> (Temminck & Schlegel)	II	<i>Seriola lalandi</i> Valenciennes, 1833
90	<i>Seriola rivoliana</i> Valenciennes, 1833	I	<i>Seriola rivoliana</i> Valenciennes, 1833
91	<i>Seriola nigrofasciata</i>	II	<i>Seriolina nigrofasciata</i> (Ruppell, 1829)
92	<i>Zonichthys nigrofasciatus</i> (Ruppell)	II	
93	<i>Seriolina nigrofasciata</i> (Ruppell, 1828)	IV	
94	<i>Trachinotus bailloni</i> (Lacépède)	II	<i>Trachinotus baillonii</i> (Lacépède, 1801)
95	<i>Trachinotus baillonii</i> (Lacépède, 1801)	I	
96	<i>Trachinotus blochii</i> (Lacépède, 1801)	I	<i>Trachinotus blochii</i> (Lacépède, 1801)
97	<i>Trachurus japonicus</i> (Temminck & Schlegel, 1844)	I	<i>Trachurus japonicus</i> (Temminck & Schlegel, 1844)

98	<i>Trachurus trachurus</i> (Linnaeus, 1758)	I	<i>Trachurus trachurus</i> (Linnaeus, 1758)
99	<i>Ulua mandibularis</i> Macleay	II	<i>Ulua mentalis</i> (Cuvier, 1833)
100	<i>Uraspis micropterus</i> (Wakiya, 1924)	II	<i>Uraspis helvola</i> (Forster, 1801)
101	<i>Uraspis helvola</i> (Forster, 1801)	I	

*Ghi chú:* I: Tên khoa học còn có giá trị, II: Tên khoa học chưa được cập nhật, III: Tên khoa học có sự nhầm lẫn tên tác giả, IV: Tên khoa học có sự nhầm lẫn năm tìm ra loài.

## 2. Tu chỉnh, cập nhật lại tên khoa học các loài thuộc họ cá khế và thành phần loài của chúng thực có ở vùng biển Việt Nam

Với 101 tên khoa học đã được công bố của 24 giống thuộc họ cá khế cần được tu chỉnh và cập nhật lại tên khoa học, tên tác giả và năm tìm ra loài cá (Bảng 2), bước đầu chúng tôi đã cập nhật lại 78 tên khoa học chiếm 77,2% so với tổng số tên khoa học đã công bố (trong đó 60 tên khoa học cần cập nhật chiếm 59,4%; 14 tên khoa

học có sự sai lệch về tên tác giả chiếm 13,9%; 4 tên khoa học có sự sai lệch về năm tìm ra loài chiếm 4,0%) và 23 tên khoa học có giá trị hiện tại (22,8%).

Sau khi đối chiếu tên khoa học đã được các tác giả công bố ở vùng biển Việt Nam về synonym, tên khoa học có giá trị hiện hành, đã thành lập một danh sách thành phần loài họ cá khế ở vùng biển Việt Nam là 50 loài thuộc 21 giống (Bảng 3), giảm 51 loài so với danh sách đã công bố (Bảng 2).

Bảng 3. Danh sách thành phần loài họ cá khế sau khi cập nhật lại tên khoa học  
Table 3. List of species composition of family Carangidae after updating the scientific name

TT	Tên khoa học	Tên tiếng Việt
1	<i>Alectis ciliaris</i> (Bloch, 1787)	Cá ông lão mõm ngắn
2	<i>Alectis indicus</i> (Rüppell, 1830)	Cá ông lão Ấn Độ
3	<i>Alepes apercna</i> Grant, 1987	Cá dóc
4	<i>Alepes djedaba</i> (Forsskål, 1775)	Cá dóc
5	<i>Alepes kleinii</i> (Bloch, 1793)	Cá ngắn
6	<i>Alepes melanoptera</i> Swainson, 1839	Cá khế
7	<i>Alepes vari</i> (Cuvier, 1833)	Cá dóc
8	<i>Atropus atropus</i> (Bloch & Schneider, 1801)	Cá bao áo
9	<i>Atule mate</i> (Cuvier, 1833)	Cá tráo
10	<i>Carangoides armatus</i> (Rüppell, 1830)	Cá khế vây dài
11	<i>Carangoides chrysophrys</i> (Cuvier, 1833)	Cá khế mõm dài
12	<i>Carangoides ciliaris</i> (Rüppell, 1830)	Cá khế
13	<i>Carangoides coeruleopinnatus</i> (Rüppell, 1830)	Cá khế
14	<i>Carangoides equula</i> (Temminck & Schlegel, 1844)	Cá háo mình cao
15	<i>Carangoides ferdau</i> (Forsskål, 1775)	Cá khế chàm vàng
16	<i>Carangoides malabaricus</i> (Bloch & Schneider, 1801)	Cá khế mala
17	<i>Carangoides plagiotaenia</i> Bleeker, 1857	Cá khế
18	<i>Carangoides praeustus</i> (Anonymous, 1830)	Cá khế vây đen
19	<i>Caranx bucculentus</i> Alleyne & Macleay, 1877	Cá khế
20	<i>Caranx hippos</i> (Linnaeus, 1766)	Cá khế
21	<i>Caranx ignobilis</i> (Forsskål, 1775)	Cá khế vây vàng

22	<i>Caranx melampygus</i> Cuvier, 1833	Cá khế vây đen me-lam
23	<i>Caranx sexfasciatus</i> Quoy & Gaimard, 1825	Cá khế sáu sọc
24	<i>Decapterus kurroides</i> Bleeker, 1855	Cá nục đỏ
25	<i>Decapterus lajang</i> Bleeker, 1855	Cá nục
26	<i>Decapterus macrosoma</i> Bleeker, 1851	Cá nục thuôn
27	<i>Decapterus maruadsi</i> (Temminck & Schlegel, 1844)	Cá nục sò
28	<i>Decapterus russelli</i> (Rüppell, 1830)	Cá nục gai
29	<i>Elagatis bipinnulata</i> (Quoy & Gaimard, 1825)	Cá cam thoi
30	<i>Gnathanodon speciosus</i> (Forsskal, 1775)	Cá khế vằn
31	<i>Megalaspis cordyla</i> (Linnaeus, 1758)	Cá sòng gió
32	<i>Naucrates ductor</i> (Linnaeus, 1758)	Cá cam
33	<i>Parastromateus niger</i> (Bloch, 1795)	Cá chim đen
34	<i>Scomberoides commersonianus</i> Lacepède, 1801	Cá bẹ xước
35	<i>Scomberoides lysan</i> (Forsskal, 1775)	Cá bẹ
36	<i>Scomberoides tala</i> (Cuviers, 1832)	Cá bẹ ta-la
37	<i>Scomberoides tol</i> (Cuvier, 1832)	Cá bẹ tôn
38	<i>Selar boops</i> (Cuvier, 1833)	Cá tráo bô-ốp
39	<i>Selar crumenophthalmus</i> (Bloch, 1793)	Cá tráo mắt to
40	<i>Selaroides leptolepis</i> (Cuvier, 1833)	Cá chỉ vàng
41	<i>Seriola dumerili</i> (Risso, 1810)	Cá cam sọc
42	<i>Seriola lalandi</i> Valenciennes, 1833	Cá cam
43	<i>Seriola rivoliana</i> Valenciennes, 1833	Cá cam
44	<i>Seriolina nigrofasciata</i> (Ruppell, 1829)	Cá cam vằn
45	<i>Trachinotus baillonii</i> (Lacepède, 1801)	Cá sòng chấm
46	<i>Trachinotus blochii</i> (Lacepède, 1801)	Cá sòng mũi hếch
47	<i>Trachurus japonicus</i> (Temminck & Schlegel, 1844)	Cá sòng Nhật Bản
48	<i>Trachurus trachurus</i> (Linnaeus, 1758)	Cá sòng
49	<i>Ulua mentalis</i> (Cuvier, 1833)	Cá khế lược mang dài
50	<i>Uraspis helvola</i> (Forster, 1801)	Cá hiếu miệng đen

#### IV. THẢO LUẬN

Dựa trên cơ sở danh sách tên khoa học của các loài thuộc họ cá khế Carangidae đã được công bố cho vùng biển Việt Nam. Bước đầu đã tổng hợp một bản danh sách thành phần loài thực có của họ này ở vùng biển nước ta là 50 loài, giảm 51 loài. Điều này có khả năng là do các tác giả tham khảo, đối chiếu và tổng hợp tài liệu từ nhiều nguồn, nhưng chưa rà soát tên synonym của chúng.

Kết quả của bài báo cũng cho thấy về tình trạng sử dụng tên khoa học và việc

tham khảo nguồn tài liệu có nhiều bất cập, vì vậy danh mục loài cá biển Việt Nam cần phải được rà soát, kiểm tra để đưa ra số liệu tương đối chính xác về thành phần loài và cần cập nhật lại tên khoa học có giá trị trong thời gian sớm nhất, nhằm thống kê cụ thể số lượng thành phần loài cá ở Việt Nam hoàn chỉnh, phục vụ cho công tác nghiên cứu và tra khảo.

Theo thời gian các tiến bộ khoa học về sinh học phân tử, sinh hóa, di truyền, sinh lý..., đã góp phần hoàn thiện trong việc phân loại, sắp xếp hệ thống sinh vật nói chung và cá nói riêng, song song với

việc phát hiện loài mới cho khoa học và tên khoa học một số loài có sự thay đổi như được xác nhận lại tên gốc hoặc được tu chỉnh lại, thậm chí một số giống đã được tách ra thành nhiều giống mới hoặc gộp nhiều giống lại thành một giống. Bên cạnh đó vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau trong sắp xếp hệ thống phân loại cá. Do đó, trong quá trình nghiên cứu định loại, việc tham khảo các nguồn tài liệu khác nhau, tổng hợp và đối chiếu sẽ có những bất cập nhất định, việc cập nhật tên loài cần được tiến hành thường xuyên làm cơ sở trong nghiên cứu đánh giá về đa dạng sinh học của cá.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Eschemeyer W.N. (Editor), 1998. Catalog of fishes. Special Publication, California Academy of Sciences, San Francisco. 3 vols. 2905 p.
- Lê Thị Thu Thảo, Nguyễn Phi Uy Vũ, 2009. Thành phần loài cá vùng đất ngập nước ven biển tỉnh Quảng Nam. Báo cáo khoa học về sinh thái và tài nguyên sinh vật. Hội nghị khoa học toàn quốc lần thứ 3. Nhà xuất bản nông nghiệp. Hà Nội. Trang 333 – 341.
- Lê Thị Thu Thảo, Nguyễn Văn Lục, 2001. Góp phần tìm hiểu thành phần loài cá vùng ven biển - cửa sông tỉnh Bến Tre. Tuyển tập nghiên cứu biển, XI: 201-210.
- Nguyễn Đình Mão, 1996. Vài nét về điều kiện tự nhiên và nguồn lợi cá ở đầm Thị Nại, Ô Loan và Nha Phu thuộc vùng biển Trung Trung Bộ. Tuyển tập nghiên cứu biển, VII: 131 - 146.
- Nguyễn Hữu Phụng, 1998. Nghiên cứu bổ sung thành phần loài và nguồn lợi cá rạn san hô ở vùng biển Trường Sa. Tuyển tập nghiên cứu biển, VIII: 166-177.
- Nguyễn Hữu Phụng, 2004. Thành phần cá rạn san hô biển Việt Nam. Tuyển tập báo cáo khoa học hội nghị khoa học “Biển Đông 2002”. Viện Hải dương học. Nhà xuất bản nông nghiệp. Trang 274 – 307.
- Nguyễn Hữu Phụng, Lê Trọng Phấn, Nguyễn Nhật Thi, Nguyễn Phi Đình, Đỗ Thị Như Nhung, Nguyễn Văn Lục, 1995. Danh mục cá biển Việt Nam. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Tập III: 608 trang.
- Nguyễn Hữu Phụng, Nguyễn Văn Long, Trần Thị Hồng Hoa, 2001. Nguồn lợi cá rạn san hô ở vịnh Nha Trang. Tạp chí khoa học và công nghệ biển. 1(2): 16 - 26.
- Nguyễn Kim Sơn, 2001. Tính đa dạng của khu hệ cá vịnh Hạ Long. Tuyển tập báo cáo khoa học hội nghị khoa học “Biển Đông 2000”. Viện Hải dương học. Nhà xuất bản nông nghiệp. Trang 307 – 316.
- Nguyễn Nhật Thi, 1996. Bước đầu nghiên cứu khu hệ cá vùng biển Cát Bà (Hải Phòng). Tuyển tập nghiên cứu biển, VII: 59 - 70.
- Nguyễn Nhật Thi, 2002. Thành phần loài và phân bố của cá vùng biển ven bờ Bắc Trung Bộ. Tạp chí khoa học và công nghệ biển. 2(3): 41 - 63.
- Nguyễn Nhật Thi, 2003. Thành phần loài và cấu trúc khu hệ cá vịnh Hạ Long. Tạp chí khoa học và công nghệ biển. 3(1): 56 - 65.
- Nguyễn Nhật Thi, Nguyễn Văn Quân, 2004. Đa dạng sinh học và tiềm năng nguồn lợi cá rạn san hô vùng biển quần đảo Trường Sa. Tạp chí khoa học và công nghệ biển. 4(4): 47 - 64.
- Nguyễn Nhật Thi (chủ biên), Nguyễn Văn Quân, 2005. Đa dạng sinh học và giá trị nguồn lợi cá rạn san hô biển Việt Nam. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật. 119 trang.
- Nguyễn Phi Uy Vũ, Hồ Bá Đình, Lê Thị Thu Thảo, Trần Thị Hồng Hoa, Võ Văn Quang, 2007. Thành phần loài cá thường gặp của một số nghề khai thác cá đáy và gần đáy ở vùng biển ven bờ tỉnh Khánh Hòa. Tuyển tập báo cáo khoa học hội nghị khoa học “Biển Đông 2007”. Viện Hải dương học. Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. Trang 445 – 458.



- Nguyễn Thị Phi Loan, 2008. Thành phần loài cá ở đầm Ô Loan, tỉnh Phú Yên. Tạp chí khoa học, Đại học Huế, 49: 65-74.
- Nguyễn Văn Long, 2009. Cá rạn san hô ở vùng biển ven bờ Nam Trung Bộ. Tạp chí khoa học và công nghệ biển. 9(3): 38 - 66.
- Nguyễn Văn Lục, Lê Thị Thu Thảo, Nguyễn Phi Uy Vũ, 2007. Động vật chí Việt Nam. Tập 19. Cá biển (bộ cá Vược-Perciformes) bao gồm các họ: Carangidae, Mullidae, Chaetodontidae, Labridae, Scombridae. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội. Trang 7 - 89.
- Nguyễn Văn Lục, Nguyễn Phi Uy Vũ, 2003. Thành phần loài cá vùng ven biển - cửa sông tỉnh Trà Vinh. Tuyển tập nghiên cứu biển, XIII: 197 - 206.
- Nguyễn Văn Quân, 2005. Nguồn lợi cá rạn san hô vùng biển vịnh Hạ Long, Quảng Ninh. Tạp chí khoa học và công nghệ biển. 5(2): 39 - 51.
- Shao K. T., Hsuan-Ching Ho, Pai-Li, Po-Feng Lee, Mao-Ying Lee, Cheng-Yi Tsai, Yun-chih Liao & Yung-Chang Lin, Jeng-Ping Chen, Hsin-Ming yeh, 2008. The checklist of the fishes of Southern Taiwan, Northern South China Sea. Biodiversity Research Center, Academia Sinica; Taiwan Ocean Research Institute, Preparatory Office; Fisheries Research Institute, Kaohsiung Branch. National University of Singapore Publishing House.
- The Raffles Bulletin of Zoology Supplement, 19: 233-271.
- Thái Thanh Dương (chủ biên), Chu Tiến Vĩnh, Trần Mạnh Tuấn, Nguyễn Quang Đăng, 2001. Một số loài cá thường gặp ở biển Việt Nam. Bộ thủy sản. Hà Nội, 2001. 195 trang.
- Tôn Thất Pháp (chủ biên), Lương Quang Đốc, Mai Văn Phô, Lê Thị Trễ, Phan Thị Thúy Hằng, Nguyễn Văn Hoàng, Võ Văn Dũng, Hoàng Công Tín, Trương Thị Hiếu Thảo, 2009. Đa dạng sinh học ở phá Tam Giang - Cầu Hai tỉnh Thừa Thiên Huế. Nhà xuất bản đại học Huế. Trang 157 - 163.
- Võ Văn Phú, Lê Văn Miên, 1997. Thành phần loài cá khu hệ cá đầm phá Thừa Thiên Huế. Tuyển tập báo cáo khoa học, Hội nghị sinh học biển toàn quốc lần thứ nhất. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật. Trang 152 - 159.
- Võ Văn Phú, Trần Thụy Cẩm Hà, 2008. Đa dạng thành phần loài cá ở hệ thống sông Bù Lu thuộc huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tạp chí khoa học, Đại học Huế, 49: 111-121.
- Vũ Trung Tạng, 1994. Các hệ sinh thái cửa sông Việt Nam. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội. 271 trang.
- Vũ Trung Tạng, Đặng Thị Sy, 1978. Nguồn lợi thủy sản các đầm phá phía Nam sông Hương và những vấn đề khai thác hợp lý nguồn lợi đó. Tuyển tập nghiên cứu biển, I(1): 301-315.
- <http://www.marinespecies.org>.
- <http://www.fishbase.org>.

Người nhận xét:  
- TS. Trương Sĩ Kỳ